TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2026/HS-ST.
Ngày: 27-02-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Linh.

2. Ông Thạch Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2025/TLST-HS ngày 31/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HS ngày 29/01/2026 đối với bị cáo:

Trang Anh T (tên gọi khác: Tuấn Q), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 tại: tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trang Sía N và bà Lý Ánh N1; Bị cáo có vợ tên Lưu Thị Kim O; Con 02 người (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004); Tiền án, Tiền sự: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Ngày 26/4/2025 bị cáo bị tạm giữ đến ngày 28/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Lưu Thị Kim O, sinh ngày 18/3/1975; Nơi cư trú: Ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt);

+ Dương Văn Q1, sinh ngày 08/10/1981; Nơi cư trú: Số C, đường T, phường M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

+ Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1953; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt);

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 12/11/2001; Nơi cư trú: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/4/2025 tại Khu dân cư T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường P, thành phố Cần Thơ), bị cáo Trang Anh T đã nhận từ một người nam có tên Hai T1 (chưa rõ thông tin, sử dụng số điện thoại 0913907727) số tiền Việt Nam giả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), tất cả các tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo cất giữ số tiền giả này trong túi quần Jean, đem về phòng ngủ nhà của bị cáo tại số A ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 177 ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ). Việc bị cáo T nhận số tiền giả nói trên là do trước đó Hai T1 có nợ bị cáo số tiền khoảng 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo yêu cầu Hai T1 trả nợ số tiền trên nhiều lần nhưng Hai T1 chỉ hứa mà chưa trả cho bị cáo để bị cáo còn trả nợ cho người khác. Sau khi trao đổi trực tiếp và trao đổi qua điện thoại cá nhân của bị cáo, bị cáo T được Hai T1 cho biết sẽ đưa cho số tiền Việt Nam giả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận thống nhất nếu bị cáo sử dụng được số tiền giả thì sẽ trừ tương ứng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trong tổng số tiền Hai T1 đã nợ bị cáo.

Sau khi nhận được số tiền Việt Nam giả 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), bị cáo T đã sử dụng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để trả tiền nợ cho một người tên Thành T2 (khoảng hơn 30 tuổi, số điện thoại 0913907767). Đến ngày 21 và 22/4/2025, bị cáo T tiếp tục sử dụng số tiền giả 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền thật để trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị D (cư trú tại ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ). Còn 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền giả bị cáo T đã sử dụng nhưng vào việc gì và như thế nào, ở đâu thì bị cáo không nhớ.

Sau khi được bị cáo T trả tiền, đến ngày 23/4/2025, bà Nguyễn Thị D sử dụng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) đã nhận được từ bị cáo T đến Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O1), Phòng G, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) để trả tiền vay thì được bà Nguyễn Thị Diễm M, là nhân viên ngân hàng cho biết trong số tiền bà D trả có 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bao gồm 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nghi là tiền giả nên đã lập biên bản tạm giữ. Sau đó bà Nguyễn Thị D trình báo Công an xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là Công an xã T, thành phố Cần Thơ) và Công an đã tạm giữ 08 (tám) tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nghi là tiền giả do Ngân hàng O1, Phòng G bàn giao.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 3/2025 bị cáo có mua chiếc xe của người tên Q1 với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bị cáo trả tiền đầy đủ cho ông Q1 nhưng trong đó 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng

được Q1 yêu cầu đổi lại do nghi là tiền giả thì bị cáo đã đổi lại cho Q1 và lấy lại 02 tờ tiền cất giữ trong người nhưng hiện nay không biết ở đâu. Bị cáo khẳng định đối với 02 tờ tiền Quí đổi lại là tiền thật nên mới sử dụng, do nhà bị cáo mua bán nước đá nên có thể đã nhận được tiền đó trong lúc bán nước đá, bị cáo cũng không nhớ nhận từ lúc nào, nhận của ai.

Ngày 25/4/2025 Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh S (nay là Cơ quan An ninh điều tra, Công an thành phố C), đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trang Anh T để phục vụ công tác điều tra, xác minh. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra bị cáo T đã giao nộp số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng), gồm 42 tờ tiền Việt Nam giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), số tiền này bị cáo T dự định sẽ trả nợ cho người khác nhưng chưa kịp trả nợ thì bị phát hiện nên bị can T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 53/KLTL-KTHS ngày 05/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh S (nay là Phòng K Công an thành phố C), kết luận: 08 (tám) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: WZ 19343905 (02 tờ), FD 21379762 (02 tờ), BY 15970007 (01 tờ), MC 21854549 (01 tờ), ZE 20560708 (01 tờ), MR 19767774 (01 tờ) là tiền giả;

Tại Kết luận giám định số 51/KLTL-KTHS ngày 05/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh S (nay là Phòng K Công an thành phố C), kết luận: 42 (bốn mươi hai) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: FD 21379762 (07 tờ), MR 19767774 (08 tờ), ZE 20560708 (02 tờ), BY 15970007 (08 tờ), MC 21854549 (03 tờ), QZ 21240847 (01 tờ), WZ 19343905 (04 tờ), CN 19774226 (03 tờ), LH 16142225 (06 tờ) là tiền giả.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X của bị cáo Trang Anh T, đã ra Quyết định trưng cầu giám định tại Phòng K, Công an tỉnh S và kết luận giám định đã thu thập được 1,85GB dữ liệu.

- 50 (năm mươi) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), có số seri: FD 21379762 (09 tờ), MR 19767774 (09 tờ), ZE 20560708 (03 tờ), BY 15970007 (09 tờ), MC 21854549 (04 tờ), QZ 21240847 (01 tờ), WZ 19343905 (06 tờ), CN 19774226 (03 tờ) và LH 16142225 (06 tờ). Có kết luận giám định là tiền giả.

- 01 (một) cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng, đã qua sử dụng, trên lưng quần có chữ và số: “LEVEL TRAUSS & CO.”, “THE NEW FASHION”, “LEVELNAL RIVETED”, “QUALITY CLOTHING”, “TRADE”, “MARK”, “Every Garment Guaranteed”, “Lot 559”, “W31 L32” (bị cáo dùng để cất giữ số tiền giả 30.000.000 đồng sau khi nhận được từ H).

Việc xử lý, đồ vật, tài liệu: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án cho chủ sở hữu, cụ thể: Giao trả 03 (ba) tờ tiền Việt Nam loại Polime, mệnh giá 200.000 đồng, có số seri AZ 22313418, LL 21176413, CH 21499807 cho bà Nguyễn Thị D. Giao trả lại cho bà Lưu Thị

Kim O (vợ bị can T) gồm: 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) có số seri: RS 22079649 và ZS 21017421; 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), gồm các số seri: CZ 20163129, LR 20841165, FR 22802727, WH 20472773 và QT 16222758; 14 (mười bốn) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng), gồm các số seri: FV 18694490, BJ 23091785, UH 18492847, WW 18954778, GE 20016871, WC 22971814, BF 19849357, HO 14719243, OL 14495676, SB 18742793, ZE 15509263, UQ 18721280, WV 18813464 và YH 22500120; 07 (bảy) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng (năm nghìn đồng), gồm các số seri: FY 2566285, HH 6184207, VV 6643248, GZ 0394492, IF 5582056, BV 2826896 và IG 8321415; 07 (bảy) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 2.000 đồng (hai nghìn đồng), gồm các số seri: JQ 6138206, GR 7920629, AV 9331330, CU 7130666, VN C, FR 8116828 và BW 9492921; 07 (bảy) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng (một nghìn đồng), gồm các số seri: WV 9904378, PZ 0351706, IW 3556426, SP 5814190, WQ 3579425, HZ 3137440 và IJ 0875415. Tất cả số tiền giao trả có kết luận giám định là tiền thật.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trang Anh T thống nhất với kết luận giám định, bị cáo T khai nhận: Vào ngày 16/4/2025 bị cáo có nhận trực tiếp số tiền Việt Nam giả là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trong đó 50 (năm mươi) tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) từ người tên Hai T1, do Hai T1 còn thiếu nợ tiền bị cáo trước đó cho nên giữa bị cáo và Hai T1 thống nhất thỏa thuận với nhau nếu bị cáo sử dụng được số tiền giả nêu trên thì sẽ trừ tương ứng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào số tiền Hai T1 còn nợ. Sau khi bị cáo nhận tiền giả xong để trong túi quần Jean của bị cáo đem về phòng ngủ tại nhà của bị cáo để cất giữ nhằm mục đích trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân ngoài ra không còn mục đích nào khác. Đến ngày 21 và 22/4/2025 bị cáo sử dụng số tiền giả 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để trả tiền nợ cho bà Nguyễn Thị D, sau đó ngày 23/4/2025 bà D đến Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O1), Phòng G, thành phố Cần Thơ để trả tiền vay thì được bà Nguyễn Thị Diễm M là nhân viên ngân hàng cho biết số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) bao gồm 08 (tám) tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nghi là tiền giả nên đã lập biên bản tạm giữ theo quy định. Sau khi Công an mời làm việc bị cáo Trang Anh T đã thừa nhận còn cất giữ số tiền Việt Nam giả 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) trong đó 42 (bốn mươi hai) tờ, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) đã nhận từ H trước đó cũng nhằm mục đích để bị cáo tiêu xài cá nhân và trả nợ cho người khác nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện nên bị cáo đã giao nộp Cơ quan điều tra.

Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ chứng minh và thu giữ được 50 (năm mươi) tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn), tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) qua kết luận giám định là tiền giả. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo thực hiện hành vi lưu hành tiền giả với số lượng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSCT-P1 ngày 30/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ để xét xử đối với Trang Anh T về tội "Lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025)

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo Trang Anh T, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trang Anh T phạm tội "Lưu hành tiền giả"; áp dụng khoản 2 Điều 207; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025); xử phạt Trang Anh T từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo Trang Anh T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Văn Q1 và người làm chứng Nguyễn Thị Diễm M tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, việc vắng mặt không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và sự vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 292, 293 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo Trang Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Bị cáo Trang Anh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng để có tiền tiêu xài và trả nợ nên vào ngày 16/4/2025 bị cáo có nhận trực tiếp số tiền Việt Nam giả là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trong đó 50 (năm mươi) tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) từ người tên Hai T1. Đến ngày 21 và 22/4/2025 bị cáo sử dụng số tiền giả 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để trả

tiền nợ cho bà Nguyễn Thị D, sau đó ngày 23/4/2025 bà D đến Ngân hàng Thương mại cổ phần P (O1), Phòng G, thành phố Cần Thơ để trả tiền vay thì được bà Nguyễn Thị Diễm M là nhân viên ngân hàng cho biết số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) bao gồm 08 (tám) tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nghi là tiền giả nên đã lập biên bản tạm giữ theo quy định và sau khi Công an mời làm việc, bị cáo Trang Anh T đã thừa nhận còn cất giữ số tiền Việt Nam giả 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) trong đó 42 (bốn mươi hai) tờ, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) đã nhận từ H trước đó. Tại Kết luận giám định số 53/KLTL-KTHS ngày 05/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh S (nay là Phòng K Công an thành phố C), kết luận: 08 (tám) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: WZ 19343905 (02 tờ), FD 21379762 (02 tờ), BY 15970007 (01 tờ), MC 21854549 (01 tờ), ZE 20560708 (01 tờ), MR 19767774 (01 tờ) là tiền giả; Tại Kết luận giám định số 51/KLTL-KTHS ngày 05/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh S (nay là Phòng K Công an thành phố C), kết luận: 42 (bốn mươi hai) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, gồm các số seri: FD 21379762 (07 tờ), MR 19767774 (08 tờ), ZE 20560708 (02 tờ), BY 15970007 (08 tờ), MC 21854549 (03 tờ), QZ 21240847 (01 tờ), WZ 19343905 (04 tờ), CN 19774226 (03 tờ), LH 16142225 (06 tờ) là tiền giả. Như vậy hành vi của bị cáo Trang Anh T đã phạm vào tội "Lưu hành tiền giả". Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ chứng minh và thu giữ được 50 (năm mươi) tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá là 500.000 đồng (năm trăm ngàn), tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) qua kết luận giám định là tiền giả. Do đó, có cơ sở xác định bị cáo thực hiện hành vi lưu hành tiền giả với số lượng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trang Anh T phạm tội "Lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) như Cáo trạng đã truy tố.

[4] Tội phạm do bị cáo Trang Anh T thực hiện là rất nghiêm trọng, gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật để nhận biết việc lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang, xôn xao trong dư luận, làm ảnh hưởng đến sự phát triển nền kinh tế. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù tương xứng đối với hành vi của bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng giảm nhẹ của bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trang Anh T trước khi phạm tội không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, bị cáo tác động vợ của bị cáo là bà Lưu Thị Kim O đã hoàn trả lại đủ số tiền thật 4.000.000 đồng cho bà D, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi lượng hình, Hội đồng

xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: Gói niêm phong số 1 gồm: Số tiền 4.000.000 đồng, trong đó 08 (tám) tờ Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng kết luận giám định là tiền giả; Gói niêm phong số 2 gồm: Số tiền 21.000.000 đồng, trong đó 42 (bốn mươi hai) tờ Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng kết luận giám định là tiền giả.; 01 (một) cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng, đã qua sử dụng, trên lưng quần có chữ và số: "LEVEL TRAUSS & CO.", "THE NEW FASHION", "LEVELNAL RIVETED", "QUALITY CLOTHING", "TRADE", "MARK", "Every Garment Guaranteed", "Lot 559", "W31 L32". Xét thấy, các vật chứng nêu trên là vật cầm lưu hành, công cụ phương tiện bị cáo để phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động Iphone X, số máy MQA92X, số Imei: 356720086036723, có lắp sim điện thoại 0823405999 (đã qua sử dụng). Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo T, do đó cần trả lại cho bị cáo T.

- Đối với các tài sản và vật chứng Cơ quan điều tra có thu giữ và đã xử lý trả cho bị cáo và bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trang Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hại kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trang Anh T.

* Tuyên bố bị cáo Trang Anh T tội "Lưu hành tiền giả".

* Xử phạt bị cáo Trang Anh T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2025.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 3 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu tiêu hủy: Gói niêm phong số 1 gồm: Số tiền 4.000.000 đồng, trong đó 08 (tám) tờ Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng kết luận giám định là tiền giả; Gói niêm phong số 2 gồm: Số tiền 21.000.000 đồng, trong đó 42 (bốn mươi hai) tờ Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng kết luận giám định là tiền giả; 01 (một) cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng, đã qua sử dụng, trên lưng quần có chữ và số: "LEVEL TRAUSS & CO.", "THE NEW FASHION", "LEVELNAL RIVETED", "QUALITY CLOTHING", "TRADE", "MARK", "Every Garment Guaranteed", "Lot 559", "W31 L32"

- Trả lại cho bị cáo Trang Anh T: 01 (một) điện thoại di động Iphone X, số máy MQA92X, số Imei: 356720086036723, có lắp sim điện thoại 0823405999 (đã qua sử dụng).

(Vật chứng nêu trên do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ quản lý theo biên bản giao nhận ngày 06/1/2026).

- Đối với các tài sản và vật chứng Cơ quan điều tra có thu giữ và đã xử lý trả cho bị cáo và bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về bồi thường thiệt hại: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trang Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Phòng HSNV-CA TP Cần Thơ (PV 06);
- CQ THAHS-CA TP Cần Thơ (PC 10);
- Cơ quan CSĐT-CA. TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 01 – CA TPCT;
- Cơ quan THADS thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Công Minh